**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 826/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2018.
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tú

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông: Đặng Bích Thuận.

2. Bà: Phan Thị Minh Lý.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 640/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: số A3-01 Tầng B, chung cư A 961-973/1 đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số A3-01 Tầng B, chung cư A 961-973/1 đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: số 17G cư xá P, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, ông N đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2018; Bản tự khai ngày 26/9/2018, nguyên đơn là Bà Võ Thị Bích T trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 127 quyển số 01/2013 ngày 13/11/2013).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm về mọi vấn đề, vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 8/2017. Nay vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Bà và ông N không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông N không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, Bà Võ Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc.

* Bị đơn là ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Tuy nhiên, ông N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và có tự khai: về quan hệ hôn nhân, đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T; về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Bà Võ Thị Bích T và bị đơn là ông Nguyễn Thanh N đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127 quyển số 01/2013 ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo bà T trình bày là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống và không có con chung, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng bà T, ông N tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông N không tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông N đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ các đương sự không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với nhau. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải và đồng ý ly hôn tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N tự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Bà Võ Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Bích T về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Thanh N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa Bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127 quyển số 01/2013 ngày 13/11/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Võ Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà T, ông N tự trình bày không có;

3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông N tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010325 ngày 25/9/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận Bà Võ Thị Bích T đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**Lê Thị Tú**